

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 1267 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016, Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 và Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-STNMT ngày 19/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (27 thủ tục) mới ban hành, sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (04 thủ tục hành chính mới ban hành và 23 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung), chi tiết tại Danh mục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết TTHC để niêm yết, công khai thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các đơn vị Đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Rà soát quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tham mưu quy trình mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các TTHC được công bố tại Quyết định này thay thế các TTHC tương ứng tại Phần A Danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai đã được công bố tại Quyết định 2144/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (B/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- VNPT Đắk Lắk;
- Các Phòng, TT: NNMT, TH, PVHCC tỉnh, CN&CTTĐT;
- UBND cấp xã do UBND cấp huyện gửi;
- Lưu: VT, KSTTHC.Tg 4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cung cấp dữ liệu đất đai (Mã số TTHC: 1.004269)	<p>- Trường hợp nhận được yêu cầu trước 15 giờ: phải cung cấp ngay trong ngày; trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp vào ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>- Trường hợp yêu cầu cung cấp dưới hình thức tổng hợp thông tin: thì thời hạn xác định theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai và người có yêu cầu bằng hình thức hợp đồng.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014; Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	<p>Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (Mã số TTHC: 1.005398)</p>	20 ngày làm việc (giảm 10 ngày)	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Không	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	<p>Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý</p> <p>(Mã số TTHC: 2.001938)</p>	15 ngày làm việc (giảm 01 ngày)	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Không	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (Mã số TTHC: 1.004238)	02 ngày làm việc (giảm 01 ngày)	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	<p>Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p> <p>(Mã số TTHC: 1.004227)</p>	<p>- 10 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp GCN (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ): 03 ngày làm việc.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	<p>Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (Mã số TTHC: 1.004221)</p>	<p>- Tổ chức: 08 ngày làm việc (giảm 02 ngày) - Hộ gia đình, cá nhân: 07 ngày làm việc (giảm 03 ngày)</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <hr/> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Tách thửa hoặc hợp thửa đất (Mã số TTHC: 1.004203)	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: 05 ngày làm việc (giảm 10 ngày) - Hộ gia đình, cá nhân: 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày) 	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <hr/> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Mã số TTHC: 1.004199)	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: 05 ngày làm việc (giảm 02 ngày) - Hộ gia đình, cá nhân: + 07 ngày làm việc; + Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ: 50 ngày làm việc. 	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <hr/> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (Mã số TTHC: 1.004193)	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: 05 ngày làm việc (giảm 05 ngày) - Hộ gia đình, cá nhân: 08 ngày làm việc (giảm 02 ngày) 	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <hr/> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2023/TT-BTNMT ngày 15/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện (Mã số TTHC: 1.004177)	Không quy định	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Không	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	<p>Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (Mã số TTHC: 1.011616)</p>	<p>- Tổ chức: 21 ngày làm việc (giảm 09 ngày) - Hộ gia đình, cá nhân: 30 ngày làm việc</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12	<p>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (Mã số TTHC: 2.000983)</p>	<p>- Tổ chức: 15 ngày làm việc (giảm 15 ngày) - Hộ gia đình, cá nhân: 30 ngày làm việc</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
13	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p> <p>(Mã số TTHC: 1.002255)</p>	<p>- Tổ chức: 20 ngày làm việc (giảm 10 ngày)</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: 30 ngày làm việc</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <hr/> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	<p>Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp (Mã số TTHC: 2.000976)</p>	<p>- Tổ chức: 10 ngày làm việc (giảm 05 ngày) - Hộ gia đình, cá nhân: 15 ngày làm việc</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở</p> <p>(Mã số TTHC: 1.002273)</p>	14 ngày làm việc (giảm 01 ngày)	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
16	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p> <p>(Mã số TTHC: 1.002993)</p>	<p>- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 15 ngày làm việc (giảm 02 ngày).</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
17	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</p> <p>(Mã số TTHC: 2.000889)</p>	<p>- Chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: 10 ngày làm việc đối với trường hợp xác nhận vào GCN đã cấp; 15 ngày làm việc đối với trường hợp in mới GCN (giảm 02 ngày);</p> <p>- Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất: 03 ngày làm việc đối với trường hợp xác nhận vào GCN đã cấp; 08 ngày làm việc đối với trường hợp in mới GCN (giảm 02 ngày);</p> <p>- Chuyển QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng: 05 ngày làm việc đối làm việc đối với trường hợp xác nhận vào GCN đã cấp; 10 ngày làm việc đối với trường hợp in mới GCN (giảm 02 ngày).</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18	<p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p> <p>(Mã số TTHC: 1.001991)</p>	<p>10 ngày làm việc (không bao gồm thời gian đối với thủ tục thuê đất)</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
19	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p> <p>(Mã số TTHC: 2.000880)</p>	<p>- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: 10 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp in mới Giấy chứng nhận: 15 ngày làm việc (giảm 02 ngày).</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
20	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p> <p><i>(Mã số TTHC: 1.001134)</i></p>	18 ngày làm việc (giảm 12 ngày)	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
21	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất (Mã số TTHC: 1.005194)	10 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
22	<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <p>(Mã số TTHC: 1.001045)</p>	<p>- Tổ chức: 07 ngày làm việc (giảm 03 ngày)</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: 10 ngày làm việc</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
23	<p>Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)</p> <p>(Mã số TTHC: 1.011982)</p>	<p>45 ngày làm việc (giảm 05 ngày)</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)</p> <hr/> <p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)</p>	<p>Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí</p>	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
24	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất (Mã số TTHC: 1.001009)	09 ngày làm việc (giảm 01 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
25	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (Mã số TTHC: 1.001990)	06 ngày làm việc (giảm 01 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
26	<p>Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu</p> <p>(Mã số TTHC: 1.004206)</p>	04 ngày làm việc (giảm 01 ngày)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã (Đối với hộ gia đình, cá nhân)	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	<p>(1) Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ;</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
27	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo (Mã số TTHC: 1.004217)	05 ngày làm việc (giảm 02 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Đối với tổ chức)	Theo Quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh về mức thu các loại phí và lệ phí	(1) Luật Đất đai năm 2013; (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ; (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/09/2017, Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.